

Bản án số: **169/2025/HS-PT**

Ngày: 12 - 8 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Phú**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Mạnh Dũng**

Bà **Nguyễn Thị Ánh Nguyệt**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Thái Ngọc Nhật** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Phan Đình Đạo** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng – Cơ sở 02, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 164/2025/TLPT-HS ngày 13 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Trần T, do có kháng cáo của bị cáo Trần T và bị hại Lê Văn P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2025/HS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (Tòa án nhân dân khu vực 5).

- Bị cáo có kháng cáo: **Trần T**, sinh ngày 08/3/1984; nơi cư trú: thôn Tân Bình, xã Gò Nổi, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: thợ xây dựng; trình độ học vấn 9/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông Trần B và bà Bùi Thị A; có vợ Ngô Thị H, chưa có con; tiền án, tiền sự không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/8/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 Công an thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị hại: Ông **Lê Văn P**, sinh năm 1981. Địa chỉ: thôn Tân Bình, xã Gò Nổi, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều tối ngày 09/5/2024, anh Phạm Hữu N tổ chức liên hoan gặp mặt gia đình tại nhà. Ngoài những thành viên trong gia đình, anh N có mời thêm một số bạn bè, trong đó có anh Nguyễn Văn Trường. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày anh Khôn đi cùng Trần T cũng đến nhà anh N nhậu cùng. Đến khoảng 20 giờ 45 phút cùng ngày, anh Lê Văn P đi ngang nhà anh N thì được anh Trường gọi vào nhậu chung. Quá trình ngồi nhậu, T có nói với anh P vào nhậu mà sao không chào hỏi ai, đồng thời dùng tay tát vào mặt anh P. Lúc này, giữa T và anh P xảy ra cãi vã nhau, anh P cũng dùng tay tát lại T thì được mọi người can ngăn. Một lúc sau, khi đang ngồi trong bàn, bất ngờ T đứng dậy cầm ly thủy tinh đang uống bia ném trúng vào vùng mắt trái anh P đang ngồi đối diện. Thấy vậy, anh Trường cũng cầm ly thủy tinh uống bia ném trúng vào vùng đầu T. Sự việc được mọi người can ngăn đưa anh P đi cấp cứu tại Trạm Y tế xã Điện Trung. Đối với Trần T, sau khi bị thương được anh Khôn chở đến quầy thuốc tây Thanh Loan tại thôn Hoà Giang, xã Điện Trung sơ cứu vết thương. Sau đó, T nhờ anh

Hồ Đắc Minh chở đến nhà tìm P nhưng không gặp nên Minh chở T đến Trạm Y tế xã Điện Trung khâu vết thương thì gặp anh P. Lúc này, giữa anh P và T tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Thấy vậy chị Văn Thị Ý là nhân viên làm việc tại Trạm Y tế xã Điện Trung gọi điện thoại báo Công an xã Điện Trung đến làm việc. Sau khi Công an xã Điện Trung đến thì chị Ý khâu vết thương cho T, còn anh P được người nhà đưa đến Bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng cấp cứu, điều trị.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 1353/KL-KTHS ngày 01/7/2024 của Phân viện KHHS tại TP Đà Nẵng kết luận thương tích cơ thể anh Lê Văn P như sau:

1. Kết quả chính: Căn cứ kết quả nghiên cứu hồ sơ, khám giám định, khám chuyên khoa, kết quả cận lâm sàng, xác định anh P có các tổn thương sau: Sẹo gò má trái, kích thước nhỏ, mép gọn; Tổn thương võ nhăn cầu mắt trái gây giảm thị lực. Thị lực mắt trái: bóng bàn tay, ST (+); mắt phải: 8/10; Sẹo giác mạc mắt trái; Sẹo củng mạc mắt trái.

2. Kết luận:

2.1/Tỷ lệ tổn thương cơ thể: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể như sau: Sẹo gò má trái: 03%; Tổn thương võ nhăn cầu mắt trái gây giảm thị lực: 31%; Sẹo giác mạc mắt trái: 05%; Sẹo củng mạc mắt trái: 02%; Áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh P tại thời điểm giám định là 38%.

2.2/ Cơ chế hình thành thương tích: Các tổn thương của anh P do vật có diện tiếp xúc hẹp gây nên.

* Tại Công văn số 464/CV-C09C(Đ3), ngày 07/11/2024 của Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng xác định tại Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế không quy định vùng trọng yếu trên cơ thể người, vì vậy không có cơ sở xác định các vùng tổn thương của anh P có phải là vùng trọng yếu trên cơ thể người hay không; các tổn thương của anh P không ảnh hưởng đến tính mạng nếu không được cấp cứu kịp thời.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2025/HS-ST ngày 09/5/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10) đã quyết định:

- Căn cứ: Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Trần T phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Trần T 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 02/8/2024).

- Căn cứ: Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Buộc Trần T phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho anh Lê Văn P các khoản sau:

1. Tiền thuốc men điều trị có chứng từ: 8.450.800đ
2. Chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe: 2.340.000đ
3. Chi phí xe đi và về trong quá trình điều trị, tái khám: 9.633.000đ
4. Tiền ngày công bệnh nhân: 26.950.000đ
5. Tiền ngày công người chăm sóc: 3.000.000đ

6. Tiền xe đi, lại của người chăm sóc: 700.000đ
7. Tiền nghỉ trọ của người chăm sóc: 2.400.000đ
8. Tiền bồi đắp tổn thất về tinh thần: 70.200.000đ

Tổng cộng: 123.673.800đ (một trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, tám trăm đồng), nhưng được khấu trừ số tiền 50.000.000 đ (năm mươi triệu đồng) mà Trần T đã đưa trước, số tiền còn lại buộc Trần T phải có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho ông Lê Văn P là: 73.673.800 đồng (bảy mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, tám trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng Bn phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định phân xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12/5/2025 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22/5/2025, bị hại Lê Văn P có đơn kháng cáo tăng nặng hình phạt cho bị cáo, tăng mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Đối với kháng cáo của bị cáo Trần T: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo toàn bộ rút kháng cáo, xét thấy việc rút kháng cáo của bị cáo là tự nguyện, theo đúng quy định pháp luật nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của bị cáo.

- Đối với kháng cáo của bị hại Lê Văn P:

+ Đối với kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) là có căn cứ và đúng pháp luật. Đồng thời, đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để làm căn cứ xử phạt bị cáo Trần T 05 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, không phát sinh tình tiết mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo về tăng nặng hình phạt đối với bị cáo của bị hại Lê Văn P, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm.

+ Đối với kháng cáo của bị hại Lê Văn P yêu cầu tăng số tiền bồi thường thiệt hại từ số tiền 123.673.800 đồng lên số tiền 366.860.000 đồng. Xét thấy, bị hại không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới đối với yêu cầu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét phân trách nhiệm dân sự đúng với quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo này của bị hại. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại và bị cáo có thỏa thuận: bị cáo bồi thường thêm cho bị hại số tiền 875.000 đồng về khoản chi phí tái khám sau khi xét xử sơ thẩm, đây là sự tự nguyện của hai Bn, phù hợp pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

Bị cáo đề nghị Hội đồng giữ nguyên mức hình phạt và mức bồi thường thiệt hại của Bản án sơ thẩm. Bị cáo đồng ý bồi thường thêm cho bị hại số tiền 875.000 đồng về khoản bồi thường chi phí tái khám của bị hại sau khi xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần T, bị hại Lê Văn P có đơn kháng cáo theo

đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo, bị hại là hợp pháp.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo rút toàn bộ kháng cáo, xét thấy việc rút kháng cáo của bị cáo là tự nguyện, theo đúng quy định pháp luật nên HĐXX đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của bị cáo.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 09/5/2024, trong quá trình ăn nhậu tại nhà anh Phạm Hữu N thuộc thôn Hoà Giang, xã Điện Trung, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn Hòa Giang, xã Gò Nổi, thành phố Đà Nẵng), Trần Tùng vô cớ dùng ly thủy tinh ném vào người anh P và đã trúng vào vùng mắt trái anh Phận gây thương tích tỷ lệ 38%.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2025/HS-ST ngày 09/5/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10) đã kết án bị cáo Trần T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị hại Lê Văn P:

- Xét kháng cáo tăng nặng hình phạt đối với bị cáo của bị hại Lê Văn P, thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) xử phạt bị cáo Trần T mức hình phạt 05 năm tù là có căn cứ pháp luật và không nhẹ. Sau khi xét xử sơ thẩm, không phát sinh tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mới, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo về hình phạt của bị hại P, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

- Xét kháng cáo về trách nhiệm dân sự của bị hại Lê Văn P: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; đã xem xét các tài liệu, chứng cứ mà bị hại cung cấp tuyên mức bồi thường thiệt hại số tiền 123.673.800 đồng là đúng với quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới để yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo về trách nhiệm dân sự của bị hại P, giữ nguyên bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự theo như đề nghị của Kiểm sát viên.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại và bị cáo có thoả thuận: bị cáo bồi thường thêm cho bị hại số tiền 875.000 đồng về khoản chi phí tái khám sau khi xét xử sơ thẩm, đây là sự tự nguyện của hai Bn, phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thoả thuận này.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày

hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần T.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Lê Văn P, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2025/HS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đà Nẵng) về hình phạt đối với bị cáo và trách nhiệm dân sự.

2.1. Về hình phạt

- Căn cứ: Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Trần T 05** (năm) năm tù, về tội: “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 02/8/2024).

2.2. Về trách nhiệm dân sự

Căn cứ: Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Buộc Trần T phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho anh Lê Văn P các khoản sau:

1. Tiền thuốc men điều trị có chứng từ: 8.450.800đ

2. Chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe: 2.340.000đ

3. Chi phí xe đi và về trong quá trình điều trị, tái khám: 9.633.000đ

4. Tiền ngày công bệnh nhân: 26.950.000đ

5. Tiền ngày công người chăm sóc: 3.000.000đ

6. Tiền xe đi, lại của người chăm sóc: 700.000đ

7. Tiền nghỉ trợ của người chăm sóc: 2.400.000đ

8. Tiền bồi đắp tổn thất về tinh thần: 70.200.000đ

Tổng cộng: 123.673.800 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, tám trăm đồng), nhưng được khấu trừ số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) mà bị cáo Trần T đã bồi thường trước, số tiền còn lại buộc bị cáo Trần T phải có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho ông Lê Văn P là: **73.673.800** đồng (bảy mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, tám trăm đồng).

3. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị hại và bị cáo như sau: Bị cáo Trần T bồi thường thêm cho bị hại số tiền **875.000 đồng** (Tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) về khoản chi phí tái khám sau khi xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hằng tháng Bn phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Bị hại Lê Văn P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (12/8/2025).

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng PV06 Công an TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Huỳnh Văn Phú**

